

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2024
V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Danh Vượng.

2. Bà La Thị Thu Nga.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Thùy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không tham gia phiên tòa.**

Ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Văn Thị Nguyên Ý, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Trần Thế V, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp N, xã X, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Văn Thị Nguyên Ý trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Trần Thế V vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện X. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không có ai ép buộc. Vợ chồng chị chung sống đến năm 2018 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng chị bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, chung sống không hòa hợp. Vợ chồng chị đã cùng nhau hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Chị và anh V vẫn sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh V.

Về nuôi con chung: Chị và anh V có 02 (hai) con chung là Trần Mi D, sinh ngày 23/6/2021 và Trần Ngọc Bảo T, sinh ngày 13/9/2019. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Thế V trình bày:

Anh xác nhận về điều kiện và hoàn cảnh kết hôn của anh và chị Ý đúng như chị Ý trình bày. Anh và chị Ý kết hôn năm 2017, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không có ai ép buộc. Mâu thuẫn như chị Ý trình bày trong đơn khởi kiện của vợ chồng anh là đúng, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống không hòa hợp, anh không quan tâm lo lắng cho vợ con, còn cờ bạc gây nợ nần. Tuy nhiên theo anh là mâu thuẫn của vợ chồng anh chưa đến mức phải ly hôn. Nay chị Ý yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Ý có 02 con chung tên là Trần Mi D, sinh ngày 23/6/2021 và Trần Ngọc Bảo T, sinh ngày 13/9/2019. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị Ý nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Anh và chị Ý tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc có công văn số 14/CV-VKS ngày 08/01/2024 về việc Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn cư trú tại huyện X, nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc xét xử vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Ý và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết vào ngày 23/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 146/2017 ngày 23/10/2017 của UBND xã P, huyện X, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Quá trình chung sống chị Ý và anh V thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, chung sống không hòa hợp. Anh V thừa nhận anh không quan tâm lo lắng cho vợ con, còn cờ bạc gây ra nợ nần.

Mặc dù anh V không đồng ý ly hôn nhưng đã thừa nhận các mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng. Anh V đã được Tòa án triệu tập hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án, cho thấy anh V không có thiện chí muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Ý và anh V đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần áp dụng các điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ý.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Ý và anh V có 02 con chung tên là Trần Mi D, sinh ngày 23/6/2021 và Trần Ngọc Bảo T, sinh ngày 13/9/2019. Xét thấy, anh V có ý kiến trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì đồng ý giao cả hai con chung cho chị Ý nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, cần giao con chung cho chị Ý trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển toàn diện của con theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ý không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Chị Ý và anh V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Ý là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Văn Thị Nguyên Ý ly hôn anh Trần Thế V.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Mi D, sinh ngày 23/6/2021 và cháu Trần Ngọc Bảo T, sinh ngày 13/9/2019 cho chị Ý trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ý không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.
Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.
3. Về chia tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Chị Văn Thị Nguyên Ý phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu số 0005419 ngày 05-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Chị Ý đã nộp đủ án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- CCTHADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Phước Tân, huyện Xuyên Mộc;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thảo Sương